

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGUYỄN BÌNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 13-11-2018

V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYỄN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngôn Ngọc Viên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hiền

Bà Hoàng Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng:
Ông Đàm Đình Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 07/8/1992; Địa chỉ: thôn 7, xã H,,huyện R, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Hà Minh T, sinh ngày 23/01/1989; Địa chỉ: Tổ 4 thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L kết hôn với anh T từ năm 2012, hôn nhân được tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/9/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến ngày 01/01/2017 thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân do anh T nghiện ma túy và ngoại tình. Mặc dù chị L đã khuyên bảo và anh T đã đi cai nghiện nhiều lần nhưng không được. Do mâu thuẫn quá trầm trọng nên chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh Bình Phước sinh sống từ năm 2017 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn quá trầm trọng và không còn khả năng khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, chị cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn giữa anh Hà Minh T.

Về nuôi con chung: Chị L xác nhận anh, chị có 01 con chung tên Hà Nhật M, sinh ngày 19 tháng 4 năm 2013.

Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác nhận anh, chị không có tài sản chung và nợ chung.

Đối với bị đơn - anh Hà Minh T, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T để anh T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, anh T cố tình trốn tránh và không hợp tác, không gửi cho Tòa án ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án, ký nhận giấy triệu tập nhưng không đến Tòa án làm việc, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng đã quyết định đưa vụ án ra xét xử và niêm yết công khai văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, anh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T xác nhận những lời khai của chị L về thời gian, thủ tục, điều kiện kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng chung sống bình thường. Đến khoảng cuối năm 2015 thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo anh T nguyên nhân mâu thuẫn do chị L ngoại tình. Mặc dù anh T đã khuyên bảo chị L nhiều lần nhưng không được. Do mâu thuẫn trầm trọng nên đến cuối năm 2016 chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện tại anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không có khả năng khắc phục được, chị L có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh T đồng ý với yêu cầu của chị L.

Về nuôi con chung: Anh T xác nhận anh, chị có 01 con chung tên Hà Nhật M, sinh ngày 19 tháng 4 năm 2013.

Sau khi ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến hết năm 2020. Chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung từ năm 2021 cho đến khi còn đủ 18 tuổi và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác nhận anh, chị không có tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng, việc thụ lý vụ án cũng như việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa diễn ra đúng trình tự, thủ tục tố tụng: thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ đầy đủ, giao nhận tài liệu đúng theo trình tự pháp luật quy định. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đối với bị đơn anh Hà Minh T nhưng anh T cố tình trốn tránh không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, anh T có mặt. Căn cứ lời khai của các bên, hồ sơ vụ án và các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 70, 71, 72, 146, 147, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị L được ly hôn anh T. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu giao cháu Hà Nhật Minh cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Chị Nguyễn Thị L khởi kiện xin ly hôn với anh Hà Minh T. Anh T có địa chỉ thường trú tại Tổ 4 thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cao Bằng.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị L và anh T kết hôn từ năm 2012, hôn nhân của anh, chị được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 17/9/2013, là hôn nhân hợp pháp được Nhà nước thừa nhận. Căn cứ lời khai của chị L và anh T thì giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên đều có quan hệ ngoại tình. Mặc dù anh chị đã cố gắng khắc phục nhiều lần nhưng mâu thuẫn trầm trọng nên đến cuối năm 2016 chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ, anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Tại phiên tòa chị L và anh T đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa hai anh chị không có khả năng khắc phục được. Hiện tại chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn giữa anh Hà Minh T, anh T đồng ý

với yêu cầu của chị L. Xét thấy vợ chồng phải có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng tạo dựng hạnh phúc gia đình nhưng trong cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh T phát sinh mâu thuẫn, mặc dù hai bên cố gắng khắc phục nhiều lần nhưng không thành. Nhận thấy mâu thuẫn giữa các bên đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Hà Minh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về con chung*: Chị L và anh T có một con chung tên Hà Nhật M, sinh ngày 19/4/2013. Thực tế hiện nay cháu M đang sinh sống tại nhà của anh T. Tại phiên tòa, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến hết năm 2020. Tuy nhiên qua xác minh, anh T nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, từ khi anh chị sống ly thân, sinh hoạt hàng ngày của cháu Minh chủ yếu do bố mẹ đẻ của anh T chăm sóc. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt đối với con chung Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị Nguyễn Thị L. Ghi nhận ý kiến của chị L về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị L và anh T xác nhận anh, chị không có tài sản chung và các khoản nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét để giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Hà Minh T.

2. *Về con chung*: Giao cháu Hà Nhật M, sinh ngày 19/4/2013 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến đủ 18 tuổi và anh Hà Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bác yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến hết năm 2020 của anh Hà Minh T.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001214 ngày 05/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự. Báo quyền kháng cáo cho chị Nguyễn Thị L và anh Hà Minh T trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Nguyên Bình;
- Chi cục THADS huyện Nguyên Bình;
- UBND thị trấn T;
- Đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngôn Ngọc Viên